

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 30/09/2025	12,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.7%	0%	-1.6%

DT thuần Q3/25
160
tỷ VNĐ
QoQ: ▼21.0 -11.4%
YoY: ▲ 53.0 49.9%

LN thuần Q3/25
9.78
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.91 10.3%
YoY: ▼0.42 -4.1%

LN sau thuế Q3/25
7.83
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.74 10.4%
YoY: ▼0.34 -4.2%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
6.1%
YoY: +/-▲ 1.2%

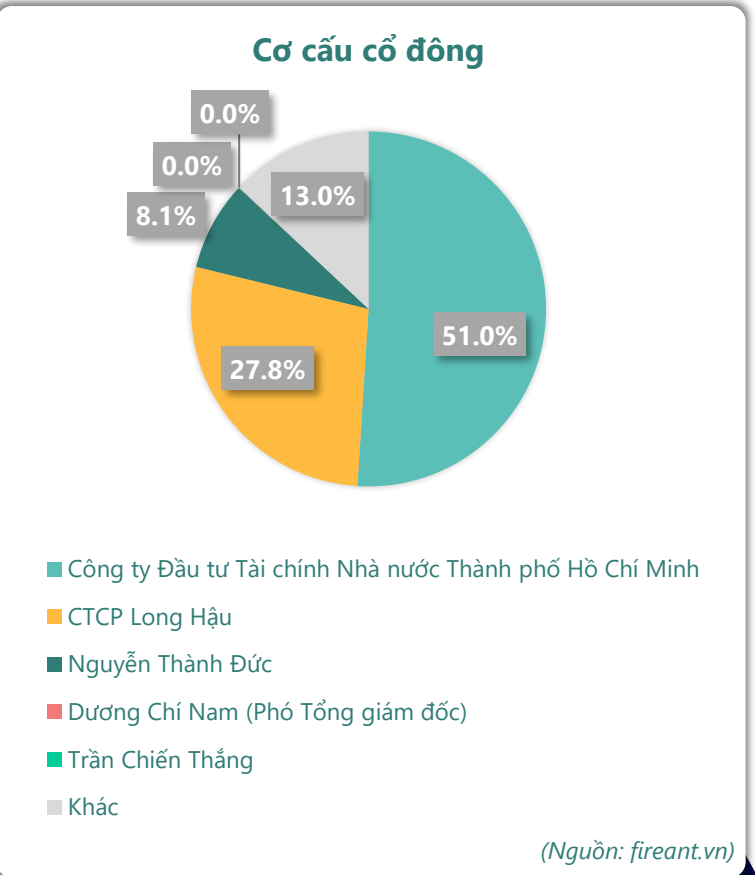
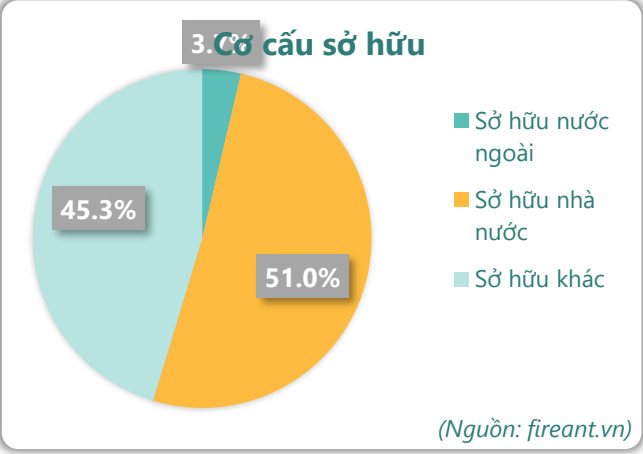
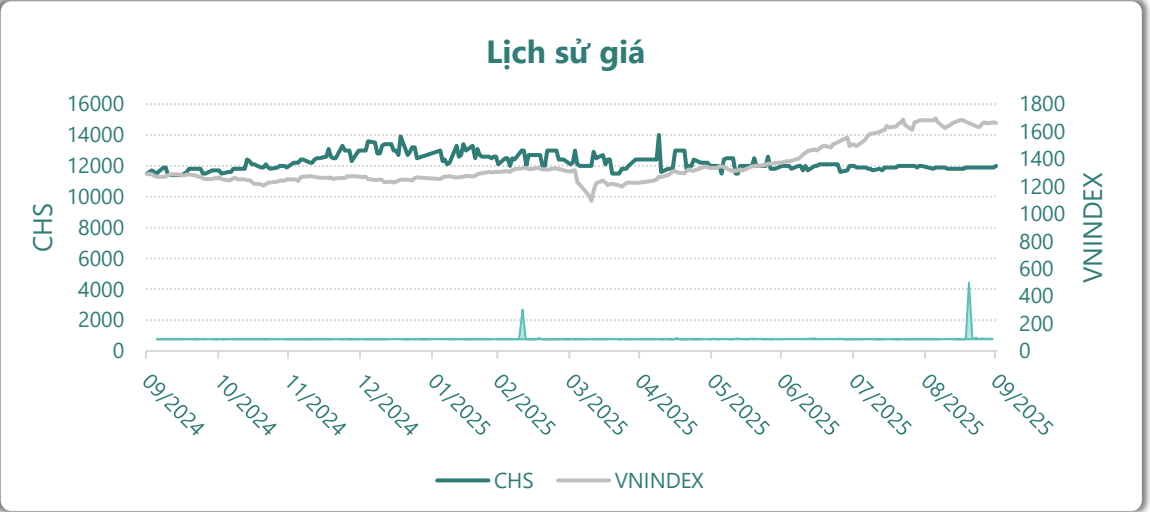
ROE (TTM) Q3/25
8.8%
YoY: +/-▼ 0.3%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,400 - 14,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	341
Số lượng CPLH (CP)	28,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	835
Sở hữu nước ngoài	3.7%
Beta	0.42
EPS	1,051
P/E	11.4

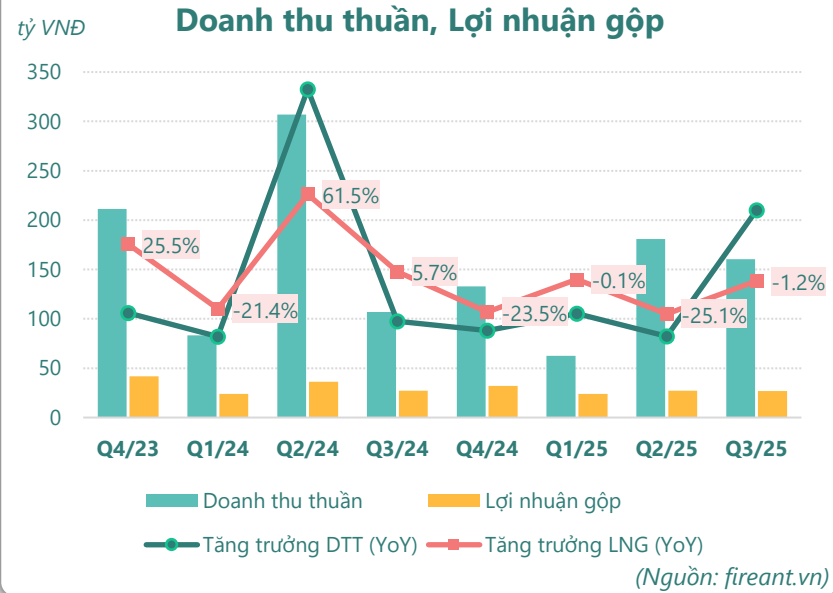
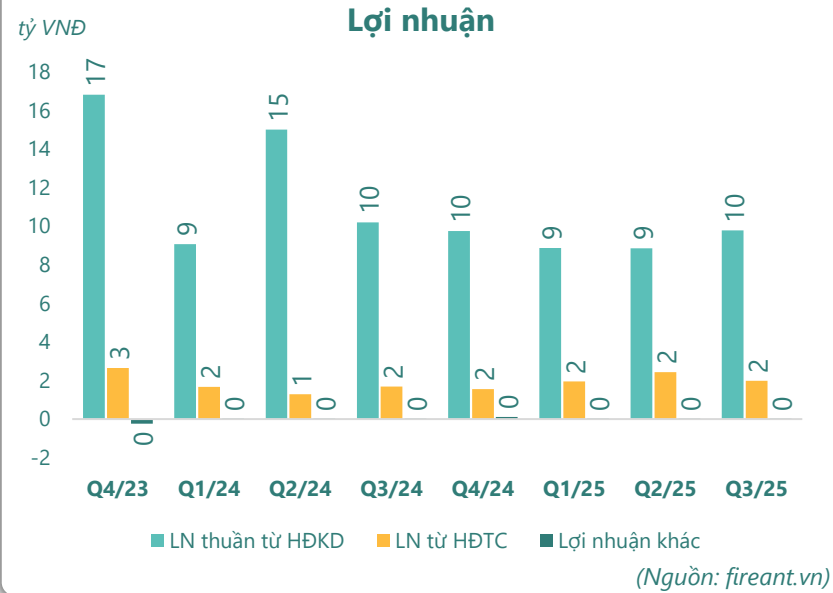
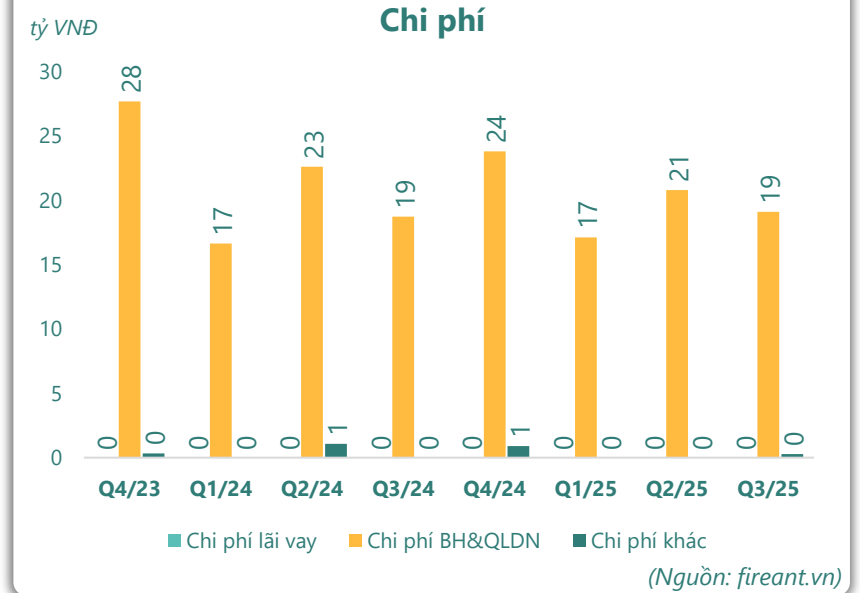
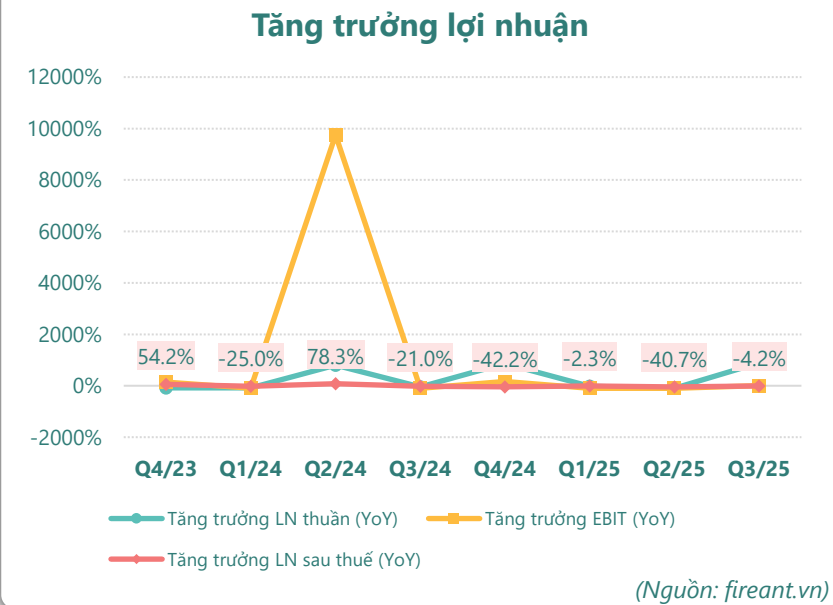
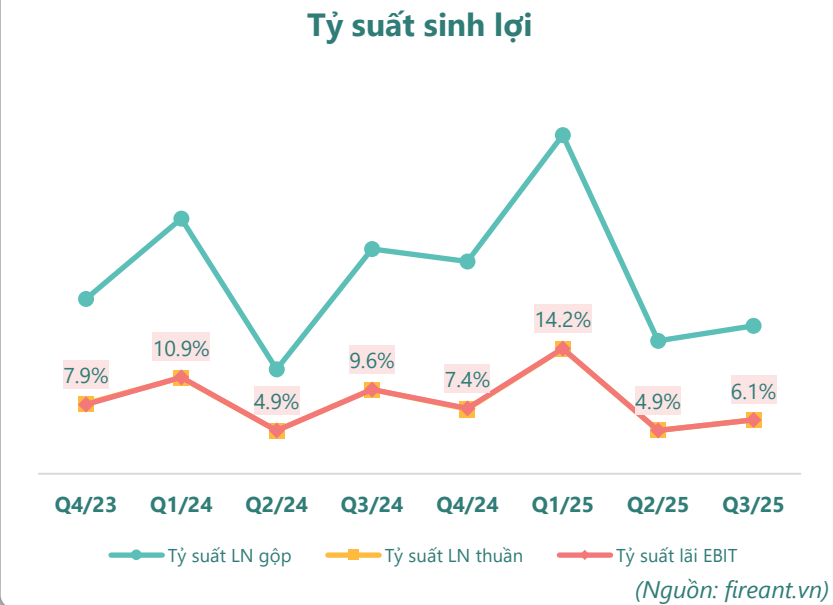
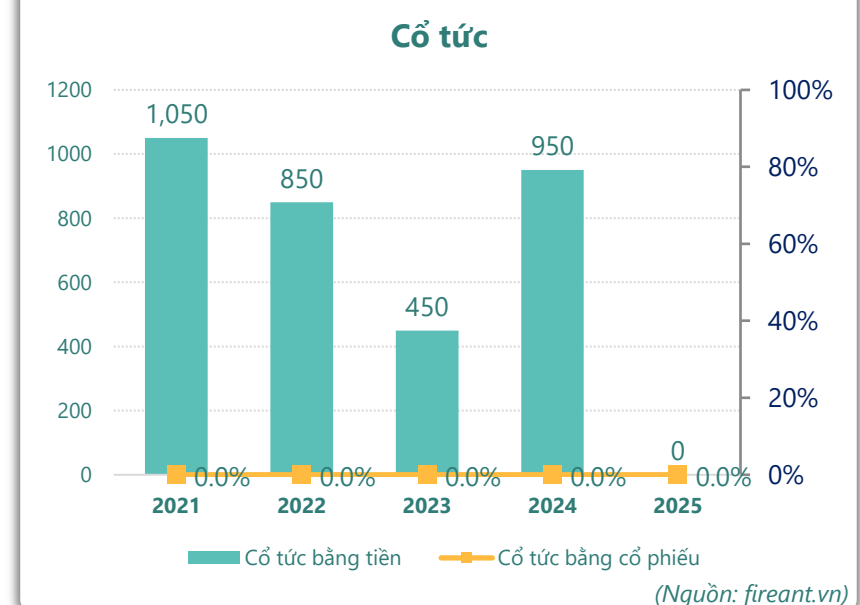
DT thuần 9T 2025
404
tỷ VNĐ
YoY: ▼93.0 -18.8%

LN thuần 9T 2025
27.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.80 -19.8%

LN sau thuế 9T 2025
22.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.40 -19.8%



KẾT QUẢ KINH DOANH

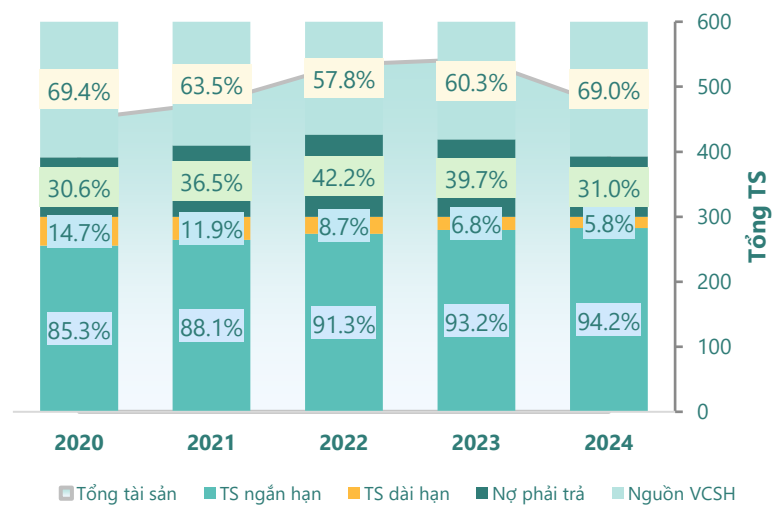




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

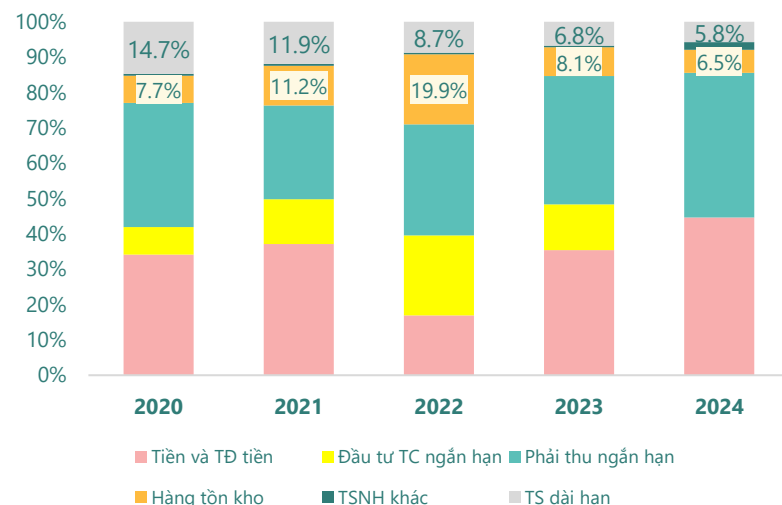
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

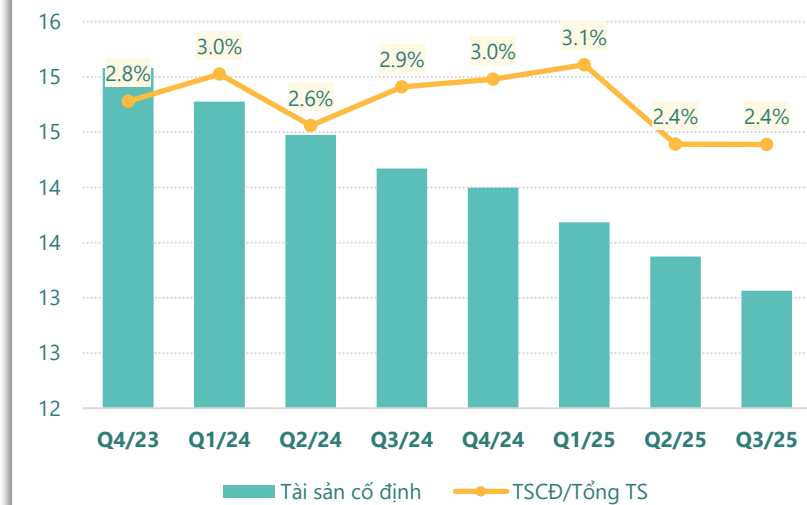
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

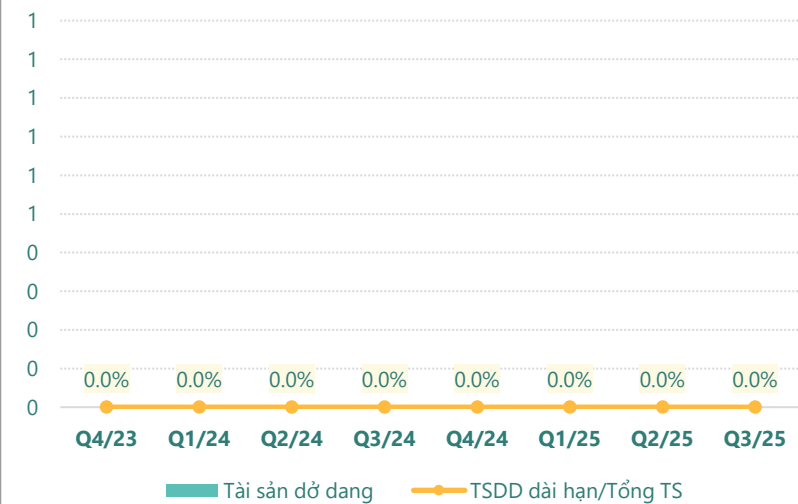
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

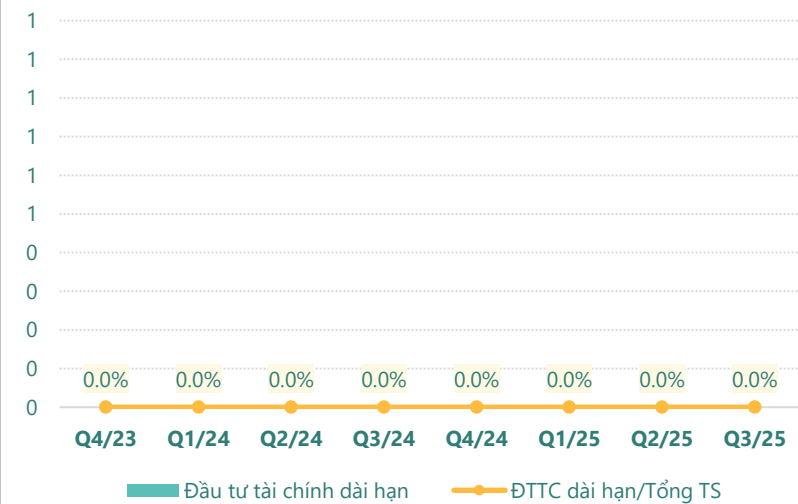
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

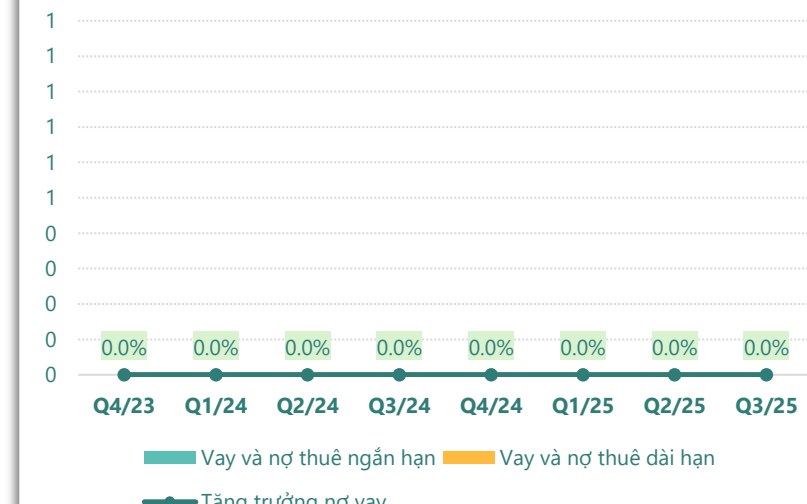
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

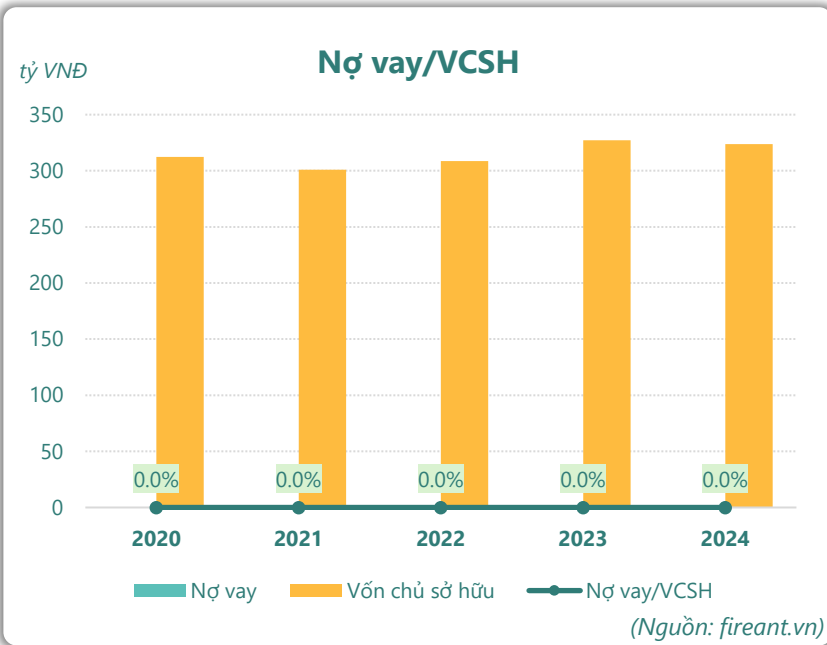
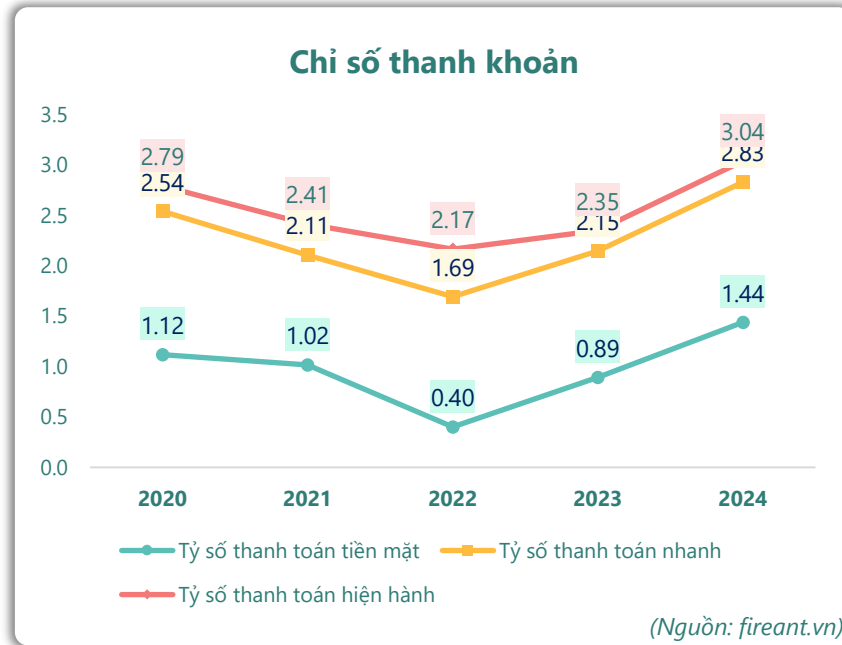
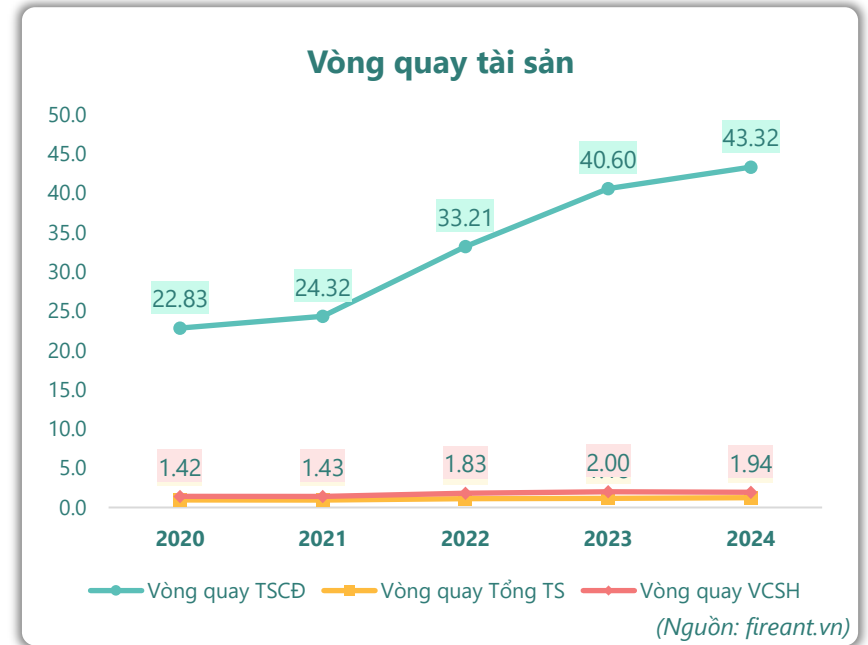
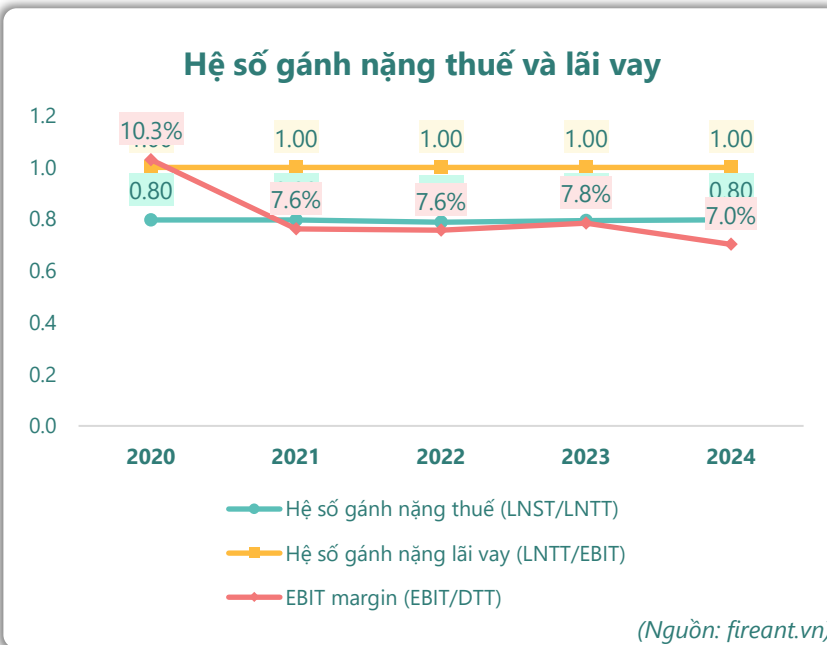
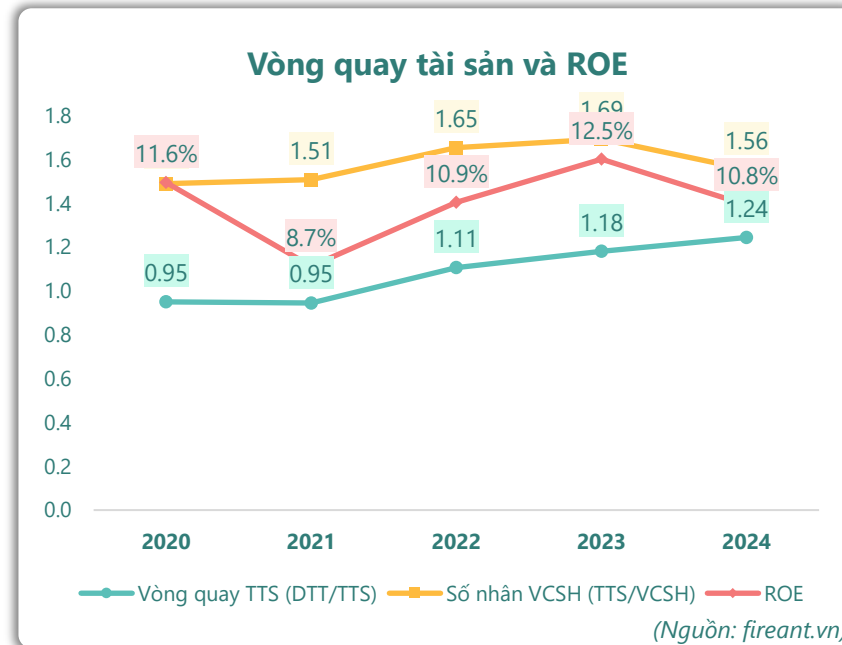
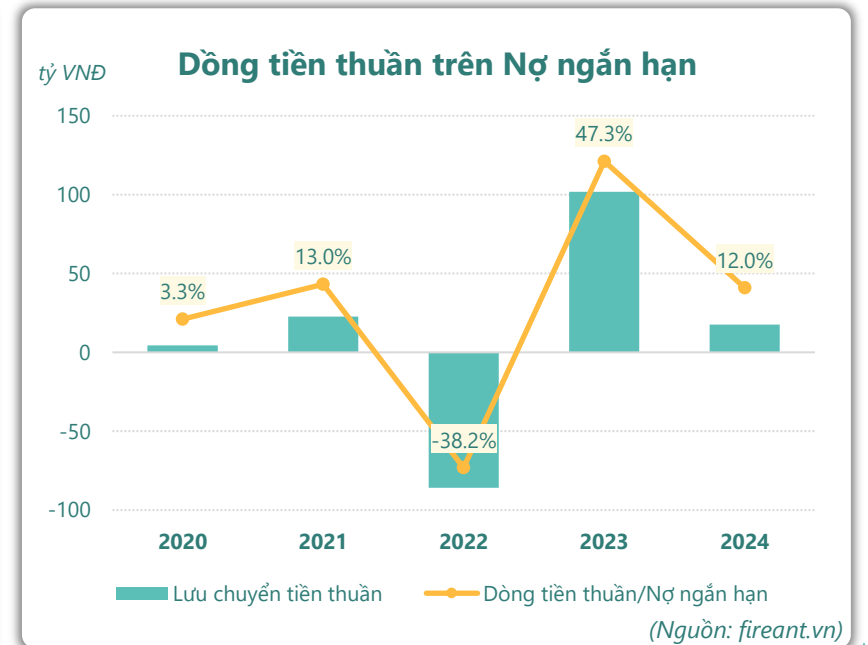
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	160	107	49.9%	404	497	-18.8%
Giá vốn hàng bán	133	79.7	67.4%	325	409	-20.5%
Lợi nhuận gộp	26.9	27.3	-1.3%	78.2	87.7	-10.8%
Doanh thu HĐTC	1.98	1.69	17.1%	6.36	4.64	37.0%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	19.1	18.8	1.8%	57.1	58.1	-1.7%
LN thuần từ HĐKD	9.78	10.2	-4.1%	27.5	34.3	-19.8%
Lợi nhuận khác	0.03	0.03	-13.7%	0.08	0.08	-4.0%
LN trước thuế	9.81	10.2	-3.8%	27.6	34.4	-19.7%
Lợi nhuận sau thuế	7.83	8.17	-4.2%	22.0	27.4	-19.8%
LNST của CĐ cty mẹ	7.83	8.17	-4.2%	22.0	27.4	-19.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	17.0	-44.6	-31.9	71.8	19.0	15.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	21.3	1.54	1.76	-18.7	-88.9	21.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	-0.01	-27.0	-0.01	0.00	-0.01
Tiền đầu kỳ	272	310	267	210	263	193
Lưu chuyển tiền thuần	38.3	-43.1	-57.2	53.1	-69.9	37.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	310	267	210	263	193	230

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	547	470	16.4%
Tài sản ngắn hạn	527	443	19.1%
Tiền và tương đương tiền	230	210	9.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	91.0	0	
Phải thu ngắn hạn	119	192	-37.9%
Hàng tồn kho	84.7	30.5	177%
Tài sản ngắn hạn khác	2.11	10.1	-79.0%
Tài sản dài hạn	19.7	27.2	-27.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	13.1	14.0	-6.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	6.61	13.2	-49.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	210	146	44.5%
Nợ ngắn hạn	210	146	44.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	133	66.0	101%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	337	324	3.8%
Vốn chủ sở hữu	336	324	3.8%
Vốn điều lệ	284	284	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.35	0.35	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

